

Bản án số: 07/2018/HS-ST

Ngày: 09-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Đặng Văn Hai.

2/ Ông: Tô Hoàng V.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Dũng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/HSST, ngày 13 tháng 4 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-HS, ngày 18 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Minh T (Nhí), sinh năm 1994, tại: Đồng Tháp; Nơi cư trú: 89 ấp LT, xã HL, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh H và con bà Nguyễn Thị Kim H; tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại số 89 ấp LT, xã HL, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Nguyễn Trường V, sinh năm: 1984; nơi cư trú: 220, ấp AQ, xã MAH B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Trường V là nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch huyện Lai Vung tọa lạc tại khóm 1, thị trấn Lai Vung, huyện Lai Vung; anh phát hiện bị mất trộm số tiền lớn tại nơi làm việc nhiều lần. Vào khoảng tháng 10/2017, Nguyễn Trường V đã dùng điện thoại di động đặt tại bàn làm việc để ghi hình lại khi anh V không có mặt thì

phát hiện Phạm Minh Tấn là nhân viên bảo vệ của Phòng giao dịch đến bàn làm việc của anh Vũ mở ba lô tìm tài sản; anh Vũ đã trình báo Công an huyện Lai Vung và giao nộp 01 điện thoại di động màu trắng, phía sau có hình quả táo khuyết và chữ Iphone, có ghi hình.

Qua làm việc Phạm Minh T đã thừa nhận từ tháng 10/2016 đến tháng 9/2017, đã 28 lần lấy trộm tiền Việt Nam, tiền đô la Mỹ và tiền Euro của anh Nguyễn Trường V; bị cáo T không nhớ rõ từng lần trộm bao nhiêu, nhưng nhớ lần lấy trộm thấp nhất là 2.000.000 đồng, lần lấy trộm cao nhất là 100.000.000 đồng, trong đó có 900 đô la Mỹ và 50 Euro, tổng số tiền mà T lấy trộm của anh V là 306.832.800 đồng. Sau khi lấy trộm tiền xong T sử dụng để mua 01 xe mô tô nhãn hiệu PIAGGO, loại LIBERTY, đăng ký tên Phạm Minh Tấn, biển số 66L1-390.33 và số tiền còn lại thì tiêu xài cá nhân.

Ngày 27/10/2017, Phạm Minh T đã giao nộp 300.000.000 đồng cho Công an huyện Lai Vung để khắc phục cho bị hại Nguyễn Trường V. Đến ngày 15/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả cho anh V số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại là 6.832.800 đồng anh V không yêu cầu và làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho Phạm Minh T.

Tại Công văn số 06/TCKH-HC ngày 22/01/2018 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Lai Vung, về việc quy đổi giá ngoại tệ: 900 USD = 20.484.000 đồng và 50 EURO = 1.348.000 đồng, tổng giá trị là 21.832.800 đồng.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS, ngày 12/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đã truy tố Phạm Minh T ra trước Toà án nhân dân huyện Lai Vung, để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Minh T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị hại Nguyễn Trường V trình bày đã mất tổng số tiền là 306.832.800 đồng và hiện đã nhận 300.000.000 đồng từ số tiền bị cáo nộp khắc phục, anh V không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và anh V yêu cầu Hội đồng xét xử xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: khẳng định, việc truy tố đúng như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật Phạm Minh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của Nguyễn Trường V tổng số tiền là 306.832.800 đồng, khi thực hiện hành vi bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả và nhân thân của bị cáo có bà nội ruột là Cao Thị Búa được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, do có sự chuyển biến về pháp luật theo Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì theo hướng có lợi cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; bị cáo T phạm tội nhiều

lần, đề nghị tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt Phạm Minh T từ 05 năm đến 07 năm tù. Về phần trách nhiệm dân sự, bị hại Nguyễn Trường V không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự giao trả cho bị cáo Phạm Minh T 01 xe mô tô, biển số 66L1-390.33 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy - số 024096, tên chủ xe là Phạm Minh Tấn, biển số 66L1 – 390.33, nhưng tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung quản lý; giao trả cho bị hại Nguyễn Trường V 01 điện thoại di động màu trắng, phía sau có hình quả táo khuyết và chữ Iphone. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh T thống nhất với Bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, không tranh luận gì. Bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Lai Vung trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo Phạm Minh T có hành vi lén lút trộm tài sản của bị hại V, bị hại V đã xác định đúng số tiền của mình bị mất, phù hợp hiện trường vụ án và vật chứng thu giữ; lời nhận tội của bị cáo T là đúng với hiện trường vụ án, phù hợp với lời khai bị hại và cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó lời nhận tội của bị cáo là có căn cứ. Tài sản mà bị cáo Phạm Minh T chiếm đoạt có tổng số tiền là 306.832.800 đồng; bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, cho nên hành vi của bị cáo Phạm Minh T có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do có sự chuyển biến tình hình và pháp luật có sự thay đổi theo hướng giảm nhẹ hình phạt của tội “Trộm cắp tài sản”, nên xét thấy cần áp dụng các quy định có lợi để xét xử bị cáo là đúng với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo T.

Tại khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;”

Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái phép, tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm đến, thể nhưng vì ý thức xem thường pháp luật và không tôn trọng tài sản của người khác mà bị cáo phạm tội, vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, đã gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây bất bình trong dư luận, vì tài sản mặc dù được giữ cẩn thận vẫn bị chiếm đoạt, bị cáo đã xem thường pháp luật, do đó cần phải có một mức hình phạt tương xứng, nhằm mục đích răn đe, giáo dục phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Bị cáo Phạm Minh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bị hại có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có bà nội ruột là Cao Thị Búa được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51, nên bị cáo được hưởng theo quy định Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Trường V đã nhận lại tiền đã bị mất từ số tiền bị cáo nộp khắc phục, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Về tang vật và tài sản thu giữ: Tài sản thu giữ không liên quan đến vụ án, cần giao trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật theo khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, nên cần giao trả;

Trả lại cho bị hại Nguyễn Trường V 01 điện thoại di động màu trắng, phía sau có hình quả táo khuyết và chữ Iphone, số IMEI: 532086075772148.

Trả lại cho Phạm Minh T 01 xe mô tô, biển số 66L1-390.33, số máy M891M5015780, số khung RP8M89130GV114408, nhãn hiệu PIAGGIO, màu sơn ghi số loại LIBERTY, dung tích xi lanh 124, tình trạng xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy Số 024096, tên chủ xe là Phạm Minh Tấn, biển số 66L1 – 390.33; nhưng giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung tiếp tục quản lý để đảm bảo cho thi hành án.

(Tất cả tài sản này đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp quản lý).

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo và bị hại được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về tang vật và tài sản thu giữ: Căn cứ vào khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị hại Nguyễn Trường V 01 điện thoại di động màu trắng, phía sau có hình quả táo khuyết và chữ Iphone, số IMEI: 532086075772148.

Trả lại cho Phạm Minh T 01 xe mô tô, biển số 66L1-390.33, số máy M891M5015780, số khung RP8M89130GV114408, nhãn hiệu PIAGGIO, màu sơn ghi số loại LIBERTY, dung tích xi lanh 124, tình trạng xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 024096, tên chủ xe là Phạm Minh Tấn, biển số 66L1 – 390.33. Nhưng tiếp tục giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung quản lý để đảm bảo cho thi hành án.

(Tất cả tài sản này đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp quản lý).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Phạm Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại được kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 09/5/2018.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CCTHA-DS huyện Lai Vung;
- Cơ quan điều tra huyện Lai Vung;
- Cơ quan THAHS huyện Lai Vung;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ, án văn (Dũng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Út